

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (10%)	Đ 2 (80%)	Điểm thi Giáo	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11123003	NGUYỄN THIÊN AN	DH11KE	<i>Thiên An</i>	1	10	6	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
2	12363151	NGUYỄN HỒ BẢO	CD12CA	<i>Bảo</i>	1	10	6	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
3	12363256	NGUYỄN LÊ HỒNG CHÂU	CD12CA	<i>Chau</i>	1	10	7	2	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
4	11363115	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	CD11CA	<i>Như</i>	1	10	6	1	3,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
5	11123172	HUỖNH THỊ DIỄM	DH11KE	<i>Diem</i>	1	10	6	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
6	12363033	VÕ THỊ KIM DUNG	CD12CA	<i>Dung</i>	1	10	8	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
7	11363018	ĐẶNG THẾ DŨNG	CD11CA	<i>Dung</i>	1	10	6	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
8	12363155	HOÀNG THỊ MỸ DUYÊN	CD12CA	<i>Duyen</i>	1	10	8	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
9	11363003	LÊ THỊ MỸ DUYÊN	CD11CA	<i>Duyen</i>	1	10	6	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
10	11363101	BÙI VĂN DƯƠNG	CD11CA	<i>Duong</i>	1	10	6	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
11	11363026	TRẦN THỊ THU HÀ	CD11CA	<i>Ha</i>	1	10	6	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
12	10123046	VŨ THỊ HỒNG HÀ	DH10KE	<i>Ha</i>	1	10	6	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
13	12363161	THÂN THỊ HỒNG HẢI	CD12CA	<i>Ha</i>	1	10	6	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
14	11123104	TRƯƠNG THANH HẬU	DH11KE	<i>Hau</i>	1	10	9	5	6,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
15	11363031	NG LÊ T NHƯ PHƯƠNG HIẾU	CD11CA	<i>Hieu</i>	1	10	6	3	4,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
16	09124900	PHẠM TRUNG HIẾU	DH11TM			V	V	V	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
17	10363173	LÊ THỊ HÒA	CD10CA17	<i>Hoa</i>	1	5	3	1	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11123011	NGÂN THỊ KIM HỒNG	DH11KE	<i>Ngân</i>	1	10	7	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
19	11123013	TRỊNH THỊ	DH11KE	<i>Trinh</i>	1	10	6	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
20	11123112	ĐÌNH THỊ NGỌC	DH11KE	<i>Ngoc</i>	1	10	7	9	8,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
21	11363023	HUỖNH THANH	CD11CA	<i>Huynh</i>	1	5	3	1	2,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	11363185	LÊ THỊ	CD11CA	<i>Le</i>	1	10	8	7	7,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	11363045	NGÔ THỊ KIM	CD11CA	<i>Ngoc Kim</i>	1	10	6	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	08223177	NGUYỄN THỊ	TC08KE			V	V	V _{q'}	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	11123015	PHAN THỊ THANH	DH11KE	<i>Phan</i>	1	10	7	7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	11363046	NGUYỄN HỒNG	CD11CA	<i>Nguyen</i>	1	5	3	0	1,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	11123016	VŨ THỊ THU	DH11KE	<i>Vu</i>	1	10	6	5	5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	11363188	NGUYỄN THỊ	CD11CA	<i>Nguyen</i>	1	10	7	5	6,1	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	12363277	NGUYỄN THỊ	CD12CA	<i>Nguyen</i>	1	10	6	4	5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
30	12363044	ĐOÀN THỊ CẨM	CD12CA	<i>Doan</i>	1	10	7	7	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
31	11363015	NGUYỄN THỊ HỒNG	CD11CA			V	V	V _{q'}	V	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
32	11363053	HÀ THỊ MỸ	CD11CA	<i>Ha</i>	1	10	6	2	4,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
33	11123074	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE	<i>Nguyen</i>	1	10	7	2	4,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
34	12363282	ĐẶNG THỊ NGỌC	CD12CA	<i>Dang</i>	1	10	7	4	5,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	11363087	PHAN THỊ THANH MAI	CD11CA	Mai	1	5	3	3	3,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	11363156	TRƯƠNG THỊ NGỌC MAI	CD11CA	Ngọc	1	10	8	6	7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

Số lượng vắng: 3

Hiện diện: 33

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Mai
Mai T. Duy

Ngọc
Trần Thị Minh Ngọc

Thanh Loan
Lê Thanh Loan

Ngọc
Bùi Ngọc Loan



Trường Đại học Nông Lâm
TP.HCM
Phòng Đào tạo

Mẫu In D2105

Bảng Ghi Điểm Thi Học Lại/Học Vượt
Học kỳ 1 - Năm học 14-15
Điểm thi học kỳ

Kế toán trưởng mại, dịch vụ (208375)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Tên lớp	Nhóm	Điểm số	Điểm chữ	Ký tên	Trang 1
✓ 1	08223177	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	TC08KE	01	✓	✓	Ghi Chú
✓ 2	08223191	NGUYỄN THỊ	PHƯỢNG	TC08KE	01	✓	✓	Nợ HP
3	09223106	NGUYỄN NGỌC	YẾN	TC09KETD	L	05	✓	Nợ HP

Tổng số sinh viên dự thi: 1 Số bài thi: 1 Số tờ: 1
Số sinh viên đạt: ; Không đạt: ;

Kỳ thi ngày 08 Tháng 1 Năm 2015

Cán bộ Coi Thi 1

Nguyễn Thị Hằng

Cán bộ Coi Thi 2

Trần Thị Minh Ngọc

Xác nhận của Bộ Môn

Cán bộ Chấm Thi 1

Công

Cán bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Loan

Trần Công Loan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11363041	ĐOÀN THỊ TRÀ MY	CD11CA	<i>My</i>	1	10	6	6	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	12363068	TRẦN THỊ THÚY MY	CD12CA	<i>Thu</i>	1	10	8	7	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	12363099	ĐẶNG THỊ HỒNG NÊN	CD12CA	<i>Ngân</i>	1	10	6	3	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	11363179	ĐẶNG THÙY NGÂN	CD11CA	<i>Ngân</i>	1	10	6	3	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	11363217	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN	CD11CA	<i>Ngân</i>	1	10	6	3	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	11363155	VÕ THỊ THÙY NGÂN	CD11CA	<i>Ngân</i>	1	10	6	2	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	12123037	NGUYỄN VĂN NGUYÊN	DH12KE	<i>Ng</i>	1	10	8	7	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	11363130	TRỊNH HỒNG NHÂN	CD11CA	<i>Trinh</i>	1	10	6	1	3,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	11363213	PHẠM THỊ HỒNG NHI	CD11CA	<i>Nhi</i>	1	10	6	3	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	11363051	NGUYỄN THỊ NHUNG	CD11CA	<i>Nhung</i>	1	10	6	2	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	11363131	TRẦN THỊ KIM OANH	CD11CA	<i>Canh</i>	1	10	6	1	3,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	11363196	LÊ THỊ MỸ PHẨM	CD11CA	<i>Mylo</i>	1	10	6	2	4,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	11363134	NGUYỄN THỊ HẠNH PHƯỢNG	CD11CA	<i>Hanh</i>	1	10	6	3	4,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	08223191	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	TC08KE		0	V	V	V	V	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	11123039	PHAN THỊ BÍCH PHƯỢNG	DH11KE	<i>Phuong</i>	1	5	3	2	2,6	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	10123153	TẠ HỒNG PHƯỢNG	DH10KE			V	V	V	V	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	10363089	ĐẶNG THỊ QUÝ	CD10CA17	<i>Quay</i>	1	5	3	2	2,6	☒ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	11363028	NGUYỄN THỊ QUÝ	CD11CA	Quý	1	10	8	8	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	11150065	ĐÌNH THANH SƠN	DH11TM	Sơn	1	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12363340	TRẦN THỊ TÂM	CD12CA	Tâm	1	10	8	4	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	11363160	NGUYỄN THỊ THU	CD11CA	Thu	1	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	11363085	PHAN THỊ PHƯƠNG	CD11CA	Phu	1	10	7	2	4,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	10123171	VŨ THU	DH10KE	Thu	1	5	3	5	4,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	11363158	ĐÀO THỊ HỒNG	CD11CA	Hồng	1	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	11363064	LÊ THỊ MỸ	CD11CA	Mỹ	1	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	12363129	NGÔ THỊ THU	CD12CA	Thu	1	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	11363107	NGUYỄN VĂN THUẬN	CD11CA	Thu	1	10	6	3	4,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12363173	LÊ THỊ THỦY	CD12CA	Thủy	1	10	6	6	6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	11363153	HÒA THỊ THỦY	CD11CA	Thủy	1	10	7	7	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	11363109	LÊ THỊ PHƯƠNG	CD11CA	Phu	1	5	3	7	5,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	11123160	NGUYỄN THỊ NGỌC	DH11KE	Ngoc	1	10	6	5	5,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	11123161	PHẠM MINH TRANG	DH11KE	Trang	1	10	6	4	5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	11123165	TẠ THỊ NGỌC	DH11KE	Tram	1	10	6	2	4,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	11363055	VŨ THỊ HƯƠNG	CD11CA	Huong	1	5	3	3	3,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Kế toán thương mại, dịch vụ-208375

Ngày Thi : 08/01/15 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225

Nhóm : 01

Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	11363116	LÊ BẢO TRÂN	CD11CA		1	10	6	2	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	11363165	THÁI THỊ UYÊN	CD11CA		1	10	6	2	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	11363078	TRƯƠNG CAO TRÍ	CD11CA		1	5	3	1	2,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	12363123	PHÙNG NGUYỄN MINH	CD12CA		1	10	6	3	4,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	11363167	TRẦN THANH TUẤN	CD11CA		1	10	6	2	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	11123084	TRẦN XUÂN TÙNG	DH11KE		1	10	7	3	4,9	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	11363143	HUỲNH HỒNG TUYỀN	CD11CA		1	10	6	2	4,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	12123194	LÝ THỊ THANH TUYỀN	DH12KE		1	10	8	6	7,0	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	11123056	PHẠM THỊ CẨM VÂN	DH11KE		1	10	8	7	7,6	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	12363150	TRẦN THỊ YẾN	CD12CA		1	10	6	4	5,2	(v) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: : 42

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Minh Thiện

Nguyễn Thị Hà Giang

Lê Thanh Loan

Trần Công Luận